

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIO LINH
TỈNH QUẢNG TRỊ

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 11/01/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nhan Ngọc Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Luận và bà Nguyễn Thị Thuận.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gio Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gio Linh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thúy Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 152/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/10/2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/01/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị **Mai Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: **Thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2023, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn chị **Đỗ Thị Bích N** trình bày:

Ngày 08/11/2019, anh **Trần Thanh H** và chị **Mai Thị T** đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tình tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm, dần cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, nên anh **H** có nguyện vọng được ly hôn với chị **Mai Thị T**. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là các cháu **Trần Thị Mai T1** sinh ngày 16/01/2016, **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 20/8/2021. Nếu ly hôn, anh **H** có nguyện vọng được

trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và cháu N1, và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo Bản trình bày ý kiến Tòa án nhân dân huyện Gio Linh nhận ngày 30/10/2023, chị Mai Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị T đồng ý ly hôn anh H. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N1. Và yêu cầu anh H cấp dưỡng 7.000.000 đồng/tháng/02 cháu. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: chị Mai Thị T có ý kiến nợ chung của hai vợ chồng là 84.030.000 đồng.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại các phiên làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 LHNGĐ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H và chị T ly hôn. Về con chung, giao cháu T1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu N1 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc, nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Mai Thị T có địa chỉ cư trú tại thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị. Nên Tòa án nhân dân huyện Gio Linh thụ lý giải quyết

là đúng quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh **Trần Thanh H** và chị **Mai Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của cả hai tại nơi cư trú, gồm: Trưởng thôn và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ **thôn N, xã T, huyện G, tỉnh Quảng Trị**. Tại các biên bản xác minh xác định cuộc sống cả hai xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng không hạnh phúc nhưng không báo chính quyền địa phương. Như vậy đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa anh **H**, chị **T** không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] *Về con chung*: Quá trình chung sống, anh **H** và chị **T** có 02 con chung là các cháu **Trần Thị Mai T1, Trần Thị Kim N1**. Anh **H** và chị **T** đều có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu. Anh **H** không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị **T** yêu cầu cấp dưỡng 7.000.000/tháng/02 con.

Xét thấy, hiện nay các cháu và chị **T** sống cùng với bố mẹ anh **H**. Chị **T** làm nghề buôn bán nhưng thu nhập không ổn định, anh **H** làm nghề tự do. Ngoài ra, tại biên bản xác minh ngày 30/11/2023, trưởng thôn **N** xác định thu nhập bình quân đầu người tại địa phương là 59.000.000 đồng/người/năm. Mặt khác, cháu **N1** hiện đang dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ; Tại đơn trình bày ý kiến của cháu **T1** xác nhận cháu có nguyện vọng ở chung với cả bố và mẹ.

Do đó, xuất phát từ quyền lợi của 02 cháu cũng như xét về điều kiện về thu nhập, chỗ ở của anh **H**, chị **T**. Nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 LHNGĐ, giao cháu **T1** cho anh **H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu **N1** cho chị **T** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai là phù hợp.

[6] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Về nợ chung: chị **Mai Thị T** có ý kiến nợ chung của hai vợ chồng là 84.030.000 đồng. Tại Biên bản làm việc ngày 07/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Gio Linh đã hướng dẫn bị đơn cung cấp thông tin về khoản nợ chung để Tòa án xem xét, nhưng đến phiên họp công khai chứng cứ ngày 25/12/2023, chị **T** không cung cấp nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[8] *Về án phí*: Anh **Trần Thanh H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 2 Điều 266, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về “ Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh **Trần Thanh H** được ly hôn chị **Mai Thị T**.

2. *Về con chung*: Giao cháu **Trần Thị Mai T1** sinh ngày 16/01/2016 cho anh **Trần Thanh H** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu **Trần Thị Kim N1** sinh ngày 20/8/2021 cho chị **Mai Thị T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Trần Thanh H** được ly hôn chị **Mai Thị T** không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. *Về án phí*: Anh **Trần Thanh H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/2023, số 0000024 ngày 24/10/2023. Anh **H** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự; **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
- VKSND huyện Gio Linh; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- Chi cục THADS huyện Gio Linh;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Trung Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nhan Ngọc Đăng